

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 28-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 17/02/2020

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công Ty TNHH Foodtech
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 16M₁01/20
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/02/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7,38
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,38
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	10,44
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33,62
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	2,8
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	74
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	1,0
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10,4
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,78
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

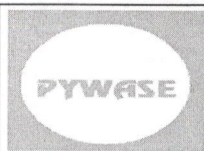
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 29-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 17/02/2020

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Điểm Giao Dịch Cấp Nước -An Phú
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 17M₁01/20
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/02/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7,38
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,44
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	9,77
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33,11
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	3,7
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	92
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,9
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10,2
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,71
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

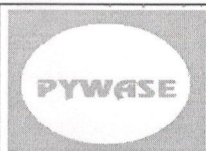
Ghi chú: Nguyễn Tấn Thuận

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 30-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 17/02/2020

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Sở Kế Hoạch - Đầu Tư
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 18M₁01/20
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/02/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7,34
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,45
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	9,09
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	31,59
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	8,9
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	81
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,6
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	9,8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,58
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú: **Nguyễn Tấn Thuận**

Nguyễn Văn Phong

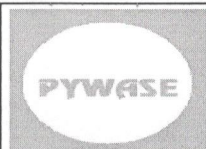
Võ Bá Duy Huân

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 31-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 17/02/2020

Trang: 1/1

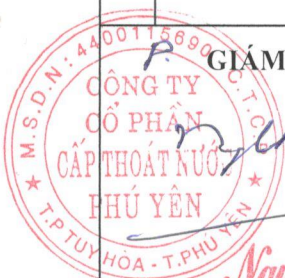
1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : 110 Nguyễn Huệ
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 18M₂01/20
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/02/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7,39
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,41
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	9,09
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	30,57
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	4,7
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	75
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,6
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	9,8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,91
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

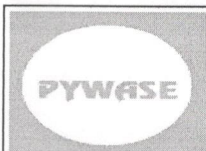
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 32-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 17/02/2020

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Khu Tái Định Cư Ninh Tịnh

2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý

3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l

4. Ký hiệu mẫu : 18M₃01/20

5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/02/2020

6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày

7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7,33
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,45
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	9,77
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33,11
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	5,4
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	70
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,6
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	9,6
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,78
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận

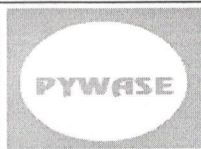
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 33-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 17/02/2020

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể Chứa NMN Tuy Hòa
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 19B01/20
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/02/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7,24
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,31
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,18
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	9,09
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	30,57
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	9,1
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	62
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,6
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	9,8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	0,02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,71
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	0,50



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chi tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019